

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com**  
**PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI**  
**QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

**ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ C16XCD**  
**TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM HÓA ĐẠI CƯƠNG**  
**MÃ HỌC PHẦN: CHE - 101**

**HỌC KỲ 2**  
**TÍN CHỈ 1**  
**LẦN THI 1**

| STT | MSV       | Họ và tên       |        | Lớp    | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%) |   |   |   |    |   |   |   |    |     | ĐIỂM TỔNG KẾT |  | Ghi chú |
|-----|-----------|-----------------|--------|--------|----------------------------|---|---|---|----|---|---|---|----|-----|---------------|--|---------|
|     |           |                 |        |        | A                          | P | Q | H | L  | M | I | G | F  | SỐ  | CHỮ           |  |         |
|     |           |                 |        |        | 20                         |   |   |   | 25 |   |   |   | 55 | 100 |               |  |         |
| 1   | 161211001 | PHẠM PHÚC       | BÌNH   | C16XCD | 0                          |   |   |   | 0  |   |   |   | HP | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 2   | 161211002 | VÕ KHẮC         | BÌNH   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 6  | 7.3 | Báý pháy Ba   |  |         |
| 3   | 161211003 | PHAN VĂN        | BÔNG   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 6  | 7.3 | Báý pháy Ba   |  |         |
| 4   | 161211004 | VĂN ĐÌNH        | CHÂU   | C16XCD | 0                          |   |   |   | 0  |   |   |   | HP | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 5   | 161211005 | PHAN VĂN        | CHÍNH  | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 6  | 7.3 | Báý pháy Ba   |  |         |
| 6   | 161211006 | TÔN MẠNH        | CƯỜNG  | C16XCD | 9                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 8  | 8.0 | Tằm           |  |         |
| 7   | 161211007 | ĐÌNH MẠNH       | CƯỜNG  | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 6  | 7.3 | Báý pháy Ba   |  |         |
| 8   | 161211008 | NGUYỄN DUY      | CƯỜNG  | C16XCD | 9                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 6  | 6.9 | Sầu pháy Chên |  |         |
| 9   | 161211010 | PHAN PHỤNG      | ĐÔNG   | C16XCD | 9                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 6  | 6.9 | Sầu pháy Chên |  |         |
| 10  | 161211011 | NGUYỄN VĂN      | ĐÔNG   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 7  | 7.9 | Báý pháy Chên |  |         |
| 11  | 161211012 | LÊ VĂN          | DỪNG   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 7  | 7.9 | Báý pháy Chên |  |         |
| 12  | 161211015 | TRẦN QUỐC       | GIA    | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 6  | 7.3 | Báý pháy Ba   |  |         |
| 13  | 161211016 | CAO SƠN         | HẢI    | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 7  | 7.9 | Báý pháy Chên |  |         |
| 14  | 161211017 | PHẠM NGỌC       | HẢI    | C16XCD | 0                          |   |   |   | 0  |   |   |   | HP | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 15  | 161211018 | TRẦN CÔNG       | HẬU    | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 7  | 7.9 | Báý pháy Chên |  |         |
| 16  | 161211019 | NGUYỄN XUÂN     | HIỆP   | C16XCD | 7                          |   |   |   | 6  |   |   |   | 6  | 6.2 | Sầu pháy Hai  |  |         |
| 17  | 161211020 | HUỖNH ANH       | HIỆP   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 6  | 7.3 | Báý pháy Ba   |  |         |
| 18  | 161211021 | ĐẶNG XUÂN       | HÒA    | C16XCD | 9                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 6  | 6.9 | Sầu pháy Chên |  |         |
| 19  | 161211022 | HUỖNH VĂN       | HÙNG   | C16XCD | 0                          |   |   |   | 0  |   |   |   | HP | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 20  | 161211023 | NGUYỄN HUY      | HÙNG   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 7  | 7.9 | Báý pháy Chên |  |         |
| 21  | 161211024 | DƯƠNG ĐÌNH      | HUY    | C16XCD | 8                          |   |   |   | 6  |   |   |   | 7  | 7.0 | Báý           |  |         |
| 22  | 161211027 | NGUYỄN VĂN      | KIM    | C16XCD | 0                          |   |   |   | 0  |   |   |   | HP | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 23  | 161211028 | NGUYỄN VĂN      | LỘC    | C16XCD | 0                          |   |   |   | 0  |   |   |   | HP | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 24  | 161211029 | NGUYỄN ĐÌNH     | LONG   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.6 | Báý pháy Sầu  |  |         |
| 25  | 161211030 | TRƯƠNG HẢI      | LONG   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 7  |   |   |   | 6  | 7.1 | Báý pháy Mầu  |  |         |
| 26  | 161211032 | LÊ ANH          | LUẬN   | C16XCD | 0                          |   |   |   | 0  |   |   |   | V  | 0.0 | Khăng         |  |         |
| 27  | 161211033 | LÊ VĂN          | NAM    | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 8  | 8.4 | Tằm pháy Bẩu  |  |         |
| 28  | 161211035 | TRẦN ĐÌNH       | NGUYỄN | C16XCD | 8                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.2 | Báý pháy Hai  |  |         |
| 29  | 161211036 | VÕ NGUYỄN HOÀNG | NGUYỄN | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 8  | 8.4 | Tằm pháy Bẩu  |  |         |
| 30  | 161211037 | TRẦN VĂN        | NHÂN   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 6  |   |   |   | 7  | 7.4 | Báý pháy Bẩu  |  |         |
| 31  | 161211038 | PHAN TÂN        | PHONG  | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 7  | 7.9 | Báý pháy Chên |  |         |
| 32  | 161211039 | NGUYỄN QUỐC     | PHÒNG  | C16XCD | 10                         |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.6 | Báý pháy Sầu  |  |         |
| 33  | 161211040 | HOÀNG ĐỨC       | PHƯƠNG | C16XCD | 10                         |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.6 | Báý pháy Sầu  |  |         |
| 34  | 161211041 | TRƯƠNG CÔNG     | RIN    | C16XCD | 8                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.2 | Báý pháy Hai  |  |         |
| 35  | 161211042 | TRẦN VĂN        | SANG   | C16XCD | 8                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.2 | Báý pháy Hai  |  |         |
| 36  | 161211044 | HỒ HẢI          | THÁI   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 7  | 7.9 | Báý pháy Chên |  |         |
| 37  | 161211045 | NGUYỄN          | THÀNH  | C16XCD | 9                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.4 | Báý pháy Bẩu  |  |         |
| 38  | 161211046 | NGUYỄN CHÁNH    | THI    | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 8  | 8.4 | Tằm pháy Bẩu  |  |         |
| 39  | 161211047 | CAO THỂ         | THỊN   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 9  |   |   |   | 8  | 8.7 | Tằm pháy Báý  |  |         |
| 40  | 161211048 | LÊ NGỌC         | THỊNH  | C16XCD | 10                         |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.6 | Báý pháy Sầu  |  |         |

| STT | MSV       | Họ và tên        | Lớp    | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%) |   |   |   |    |   |   |   |    |     | ĐIỂM TỔNG KẾT |  | Ghi chú |
|-----|-----------|------------------|--------|----------------------------|---|---|---|----|---|---|---|----|-----|---------------|--|---------|
|     |           |                  |        | A                          | P | Q | H | L  | M | I | G | F  | SỐ  | CHỮ           |  |         |
|     |           |                  |        | 20                         |   |   |   | 25 |   |   |   | 55 | 100 |               |  |         |
| 41  | 161211049 | TRẦN QUỐC TOẢN   | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 6  | 7.3 | Baý pháy Ba   |  |         |
| 42  | 161211050 | TRẦN QUANG TRUNG | C16XCD | 9                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.4 | Baý pháy Bắứ  |  |         |
| 43  | 161211051 | HỒ CHÍ TRUNG     | C16XCD | 9                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.4 | Baý pháy Bắứ  |  |         |
| 44  | 161211052 | TRẦN VĂN TRUỜNG  | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 6  | 7.3 | Baý pháy Ba   |  |         |
| 45  | 161211053 | NGUYỄN NGỌC TÚ   | C16XCD | 9                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 6  | 6.9 | Saừ pháy Chềừ |  |         |
| 46  | 161211054 | LÊ VĂN TUẤN      | C16XCD | 9                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.4 | Baý pháy Bắứ  |  |         |
| 47  | 161211056 | TRẦN ANH TUẤN    | C16XCD | 10                         |   |   |   | 8  |   |   |   | 7  | 7.9 | Baý pháy Chềừ |  |         |
| 48  | 161211058 | LÊ VĂN TÙNG      | C16XCD | 9                          |   |   |   | 7  |   |   |   | 7  | 7.4 | Baý pháy Bắứ  |  |         |
| 49  | 161211060 | NGÔ TUẤN VŨ      | C16XCD | 0                          |   |   |   | 0  |   |   |   | HP | 0.0 | Khằừ          |  |         |

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT         | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
|-------------|-------------------|----|-------|---------|
| 1           | Số sinh viên đạt  | 41 | 84%   |         |
| 2           | Số sinh viên nợ   | 8  | 16%   |         |
| TỔNG CỘNG : |                   | 49 | 100%  |         |

LẬP BẢNG

KIỂM TRA  
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA  
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 07 năm 2011  
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH  
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú